TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 28- 5- 2024
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tô Thị Thy Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hà.
2. Ông Nguyễn Văn Đích.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Mỹ Thương – Thư ký Tòa án của TAND quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2024/QĐST- HPT ngày 03 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Hoài Đ, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Số 08 đường A, tổ 44 phường A1, quân S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Hồ Thị Lệ C, sinh năm 1979. Nơi thường trú: Số 08 đường A, tổ 44 phường A1, quân S, thành phố Đà Nẵng. Chổ ở hiện nay: Phòng 309, Toà nhà A1 Chung cư Vicoland, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Hoài Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông xây dựng gia đình với bà Hồ Thị Lệ C vào năm 2000, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Phước Ninh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẩn và kéo dài cho đến nay, nguyên nhân là do trong quá trình chung sống hai vợ chồng không hoà hợp với nhau, thường hay cải vả, vợ chồng không cùng tiếng nói chung, sống không hạnh phúc. Mâu thuẩn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẩn nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không ai có trách nhiệm gì với nhau. Nay ông xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng không thể hàn gắn được nữa, nếu kéo dài cuộc hôn nhân này cũng không đem lại kết quả, vì vậy ông xin được ly hôn với bà Hồ Thị Lệ C.

- Về nuôi con chung: Ông Trần Hoài Đ xác định có hai con chung là Trần Hoài Thuỷ T, sinh ngày: 18/02/2001 và Trần Hoài Minh Q, sinh ngày: 02/3/2004. Hiện các con đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Trần Hoài Đ xác định vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Ông Trần Hoài Đ xác định vợ chồng không có nợ chung.

* Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn bà Hồ Thị Lệ C đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án ly hôn nhưng bà Hồ Thị Lệ C không đến Tòa án nên không ghi được lời trình bày.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Trần Hoài Đ đối với bà Hồ Thị Lệ C. Đề nghị HĐXX xử cho ông Trần Hoài Đ được ly hôn với bà Hồ Thị Lệ C.

- Về con chung: Ông Trần Hoài Đ xác định có hai con chung là Trần Hoài Thuỷ T, sinh ngày: 18/02/2001 và Trần Hoài Minh Q, sinh ngày: 02/3/2004. Hiện các con đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không đề cập đến.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Hoài Đ xác định không có. Bà Hồ Thị Lệ C không có lời khai nên không xác định tài sản chung và nợ chung, do

đó không đề cập đến. Nếu sau này có tranh chấp thì ông Trần Hoài Đ, bà Hồ Thị Lệ C có thể khởi kiện bằng một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Đây là vụ án Ly hôn. Bị đơn đang cư trú tại Phòng 309, Toà nhà A1 Chung cư Vicoland, phường N, quận S, Tp Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án nhân dân quận Sơn Trà đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét vử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án:

[3] Nguyên đơn và bị đơn xây dựng gia đình với nhau vào năm 2000, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Phước Ninh, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo nguyên đơn trình bày là do trong quá trình chung sống hai vợ chồng không hoà hợp với nhau, thường hay cải vả, vợ chồng không cùng tiếng nói chung, sống không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không ai có trách nhiệm gì với nhau. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, nguyên đơn xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng không còn khả năng hàn gắn được nữa nên nguyện vọng xin được ly hôn bị đơn. Còn bị đơn mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ bị đơn nhiều lần để hoà giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn không chấp hành. Điều này thể hiện bị đơn vừa coi thường pháp luật, vừa thờ ơ với việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, bản thân bị đơn không còn thiện chí xây dựng hạnh phúc gia đình với nguyên đơn nữa, mặt khác mâu thuẫn vợ chồng mà nguyên đơn trình bày cũng phù hợp

với các thông tin mà chính quyền địa phương nơi ông, bà đang cư trú cung cấp. Điều đó chứng tỏ mâu thuẩn vợ chồng ông, bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của nguyên đơn là phù hợp.

[6] Về nuôi con chung: Nguyên đơn xác định có hai con chung là Trần Hoài Thuỷ T, sinh ngày: 18/02/2001 và Trần Hoài Minh Q, sinh ngày: 02/3/2004. Hiện các con đã trưởng thành và phát triển bình thường nên HĐXX không xem xét.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Bị đơn vắng mặt không ghi được lời khai nên không xác định được khối tài sản chung và nợ chung của vợ chồng là có hay không, do đó HĐXX thấy cần phải tách phần tài sản chung và nợ chung không giải quyết. Nếu sau này một trong hai bên có đơn khởi kiện kèm theo chứng cứ chứng minh thì Toà án có thẩm quyền sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[8] Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đồng nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng thấy phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của nguyên đơn ông Trần Hoài Đ đối với bị đơn bà Hồ Thị Lệ C.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Trần Hoài Đ được ly hôn với bà Hồ Thị Lệ C (Giấy chứng nhận kết hôn số 76, ngày 22/11/2000, tại Ủy ban nhân dân phường Phước Ninh, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý).

2. Án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000đồng ông Trần Hoài Đ phải chịu. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng biên lai thu số 0003389 ngày 15 tháng 11 năm 2023

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết tại nơi thường trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND phường Phước Ninh, quận Hải Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Thị Thy Tuyết